

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55/2016/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 15 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương năm 2017**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 ngày 04/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 15/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khoá VII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15/12/2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 163/2010/NQ-HĐND ngày 18/10/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ

chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trong thời kỳ ổn định từ năm 2011 đến năm 2015; Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2011 và Nghị quyết số 50/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 về sửa đổi định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I

**PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG
VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG ĐỊNH MỨC**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định về tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

b) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở, ban ngành, đơn vị, cơ quan khác cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức

1. Định mức ban hành kèm theo Nghị quyết này là cơ sở để xây dựng, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách của từng Sở, ban ngành, đơn vị dự toán khối tỉnh, dự toán chi ngân sách của từng huyện, thị xã, thành phố (bao gồm cấp huyện và cấp xã) theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Định mức phân bổ ngân sách các huyện, thị xã, thành phố đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do cấp có thẩm quyền ban hành đến ngày 30/9/2016 (chưa bao gồm các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội).

3. Tổng dự toán chi thường xuyên của các huyện, thị xã, thành phố và dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề được tính theo định mức ban hành kèm theo Nghị quyết này và đảm bảo không thấp hơn dự toán chi năm 2016 Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Chương II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP TỈNH QUẢN LÝ

Điều 3. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính

1. Định mức phân bổ chi công việc đảm bảo hoạt động thường xuyên

a) Định mức phân bổ kinh phí theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao

Căn cứ số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao đối với từng đơn vị sử dụng ngân sách phân bổ theo phương pháp lũy thoái (định mức giảm dần đối với số biên chế được giao):

Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm

Biên chế	Định mức
- Khối các cơ quan Đảng, cơ quan quản lý nhà nước và 5 tổ chức chính trị xã hội	
+ Từ biên chế thứ 01 đến biên chế 20	29,0
+ Từ biên chế thứ 21 đến biên chế 40	27,0
+ Từ biên chế thứ 41 đến biên chế 60	25,0
+ Từ biên chế thứ 61 trở đi	23,0
- Khối các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp (được giao biên chế sự nghiệp khác)	22,0

b) Định mức phân bổ kinh phí theo số lượng nhân viên hợp đồng Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ: Nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi tắt là nhân viên hợp đồng 68) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận được phân bổ theo mức 10 triệu đồng/người/năm.

c) Kinh phí phân bổ theo định mức tại Điểm a, b Khoản này đã bao gồm:

- Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm tiền thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, văn phòng phẩm, điện nước, xăng xe,...);

- Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (đã bao gồm chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ

biển giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật,...);

- Chi phục vụ công tác của bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

- Các khoản kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản;

- Chi trang phục thanh tra của cơ quan, đơn vị theo chế độ quy định, riêng trang phục ngành của một số đơn vị đặc thù được bổ sung hỗ trợ 90% kinh phí theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.

2. Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương (sau đây gọi chung là quỹ lương) của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận tính theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng được xác định, bao gồm:

a) Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương (kể cả thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội) của số biên chế có mặt và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận: tính theo hệ số thực tế tại thời điểm lập dự toán hàng năm;

b) Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương của số biên chế chưa tuyển: tiền lương tính theo hệ số lương khởi điểm ngạch chuyên viên 2,34 cộng các khoản phụ cấp (nếu có) và các khoản đóng góp theo tỷ lệ quy định.

3. Kinh phí bổ sung

a) Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được bổ sung kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan này.

b) Các lực lượng: Kiểm lâm, Thú y, Quản lý thị trường, Thanh tra tỉnh và Thanh tra Giao thông được hỗ trợ 90% kinh phí trang phục ngành theo định mức trang phục quy định và phân kỳ trang bị từng năm.

c) Đối với một số cơ quan, đơn vị còn lại thực hiện các nhiệm vụ tại Điểm c Khoản 1 Điều này có tính chất đặc thù sẽ được bổ sung kinh phí để đảm bảo hoạt động.

d) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù khác được bổ sung theo quy định tại Điều 30 dưới đây.

4. Đối với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác tùy từng trường hợp cụ thể sẽ được ngân sách nhà nước (NSNN) hỗ trợ kinh phí thực hiện.

Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục

1. Định mức chi sự nghiệp giáo dục được phân bổ theo cơ cấu tổng quỹ lương chiếm tỷ lệ 82%, chi công việc phục vụ giảng dạy và học tập chiếm 18% tổng chi sự nghiệp. Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017, từng

năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của tỉnh.

Quỹ lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng được xác định như sau:

- Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương của số viên chức có mặt trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận: tính theo hệ số thực tế tại thời điểm lập dự toán hàng năm;

- Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa tuyển: tiền lương tính theo hệ số lương khởi điểm ngạch chuyên viên 2,34 cộng các khoản phụ cấp (nếu có) và các khoản đóng góp theo tỷ lệ quy định.

Kinh phí phân bổ theo định mức nêu trên đã tính đủ cho các cấp học thuộc ngân sách cấp tỉnh đảm bảo, bao gồm:

a) Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trích theo lương với mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng;

b) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy của đơn vị, kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm tiền thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, văn phòng phẩm, điện nước, xăng xe,...);

c) Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (đã bao gồm chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật;...);

d) Các khoản kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản;

đ) Các khoản chi phục vụ công tác giảng dạy và học tập;

e) Đảm bảo 20% kinh phí thực hiện các chế độ chi thường, chi trang cấp hiện vật, tiền tàu xe, hỗ trợ học phẩm, sách giáo khoa, chi ngày tết nguyên đán, tết dân tộc, chi hoạt động văn thể đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và trường chuyên biệt (nếu có);

g) Đảm bảo 20% kinh phí thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập cho học sinh trường chuyên theo quy định;

h) Kinh phí tổ chức các hoạt động chung của ngành do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thường xuyên hàng năm như: thi học sinh giỏi, các hoạt động hè, thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh,... trừ một số hoạt động phát sinh có quy mô lớn được NSNN hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo được sử dụng một phần kinh phí trong tổng số chi công việc thuộc sự nghiệp giáo dục khối tỉnh quản lý để tổ chức các hoạt động chung của ngành.

Tổng số kinh phí chi công việc (18%) phân bổ theo định mức quy định tại Khoản 1 Điều này được xem như 100%, Sở Giáo dục và Đào tạo được giữ lại sử dụng tối đa không quá 20% để phục vụ các hoạt động chung của ngành, số còn lại dùng để điều hòa và phân bổ dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc theo nguyên tắc: kinh phí NSNN cộng với nguồn thu học phí trong năm của đơn vị (sau khi dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định) đảm bảo các khoản chi công việc hoạt động thường xuyên (không bao gồm tiền lương và các khoản có tính chất lương) không thấp hơn 15% tổng chi sự nghiệp giáo dục của từng đơn vị sử dụng ngân sách.

Căn cứ điều kiện cụ thể của từng đơn vị, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đơn vị dự toán cấp I) quyết định phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc đảm bảo nguyên tắc nêu trên và thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

3. Kinh phí phân bổ theo tiêu chí bổ sung được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo chế độ quy định

- a) Kinh phí thực hiện chính sách học bổng học sinh dân tộc nội trú;
- b) Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật;
- c) Kinh phí hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn.

d) Hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện các chế độ chi thưởng, chi trang cấp hiện vật, tiền tàu xe, hỗ trợ học phẩm, sách giáo khoa, chi ngày tết nguyên đán, tết dân tộc, chi hoạt động văn thể đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và trường chuyên biệt (nếu có);

đ) Hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập cho học sinh trường chuyên theo quy định.

4. Đối với một số hoạt động chung của ngành do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức có quy mô lớn sẽ được hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù theo quy định tại Điều 30 dưới đây.

Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Định mức phân bổ cho các loại hình đào tạo chính quy

Phân bổ theo số lượng sinh viên, học viên thực tế có mặt trong phạm vi chỉ tiêu đào tạo được cấp có thẩm quyền giao:

Loại hình đào tạo	Đơn vị tính	Định mức
a) Trường Đại học Phú Yên		
- Đại học hệ chính quy	Triệu đồng/sinh viên/năm	11,8

- Cao đẳng hệ chính quy	Triệu đồng/sinh viên/năm	11,3
b) Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên		
- Cao đẳng hệ chính quy	Triệu đồng/sinh viên/năm	12,3
- Trung cấp hệ chính quy	Triệu đồng/sinh viên/năm	11,5
c) Trường Cao đẳng nghề Phú Yên		
- Cao đẳng hệ chính quy		
+ Nghề Nhóm I	Triệu đồng/sinh viên/năm	11,8
+ Nghề Nhóm II	Triệu đồng/sinh viên/năm	13,0
- Trung cấp hệ chính quy		
+ Nghề Nhóm I	Triệu đồng/sinh viên/năm	11,0
+ Nghề Nhóm II	Triệu đồng/sinh viên/năm	12,3

Kinh phí phân bổ theo định mức nêu trên đã bao gồm:

- Nội dung chi tại các Điểm a, b, c, d và đ thuộc Khoản 1, Điều 4 nêu trên và các chế độ liên quan khác.

- Kinh phí tổ chức các hoạt động khác như: hoạt động hè, thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh,...(nếu có).

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực đào tạo có tính đặc thù như Trường Chính trị tỉnh, Trường Trung cấp nghề thanh niên dân tộc (trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội): được phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên giống như các đơn vị sự nghiệp khác quy định tại Khoản 2, Điều 29 dưới đây và kinh phí bổ sung thực hiện nhiệm vụ mở lớp, đào tạo theo quy định.

3. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học được xác định trên cơ sở số lượng đối tượng thực tế đã được Bộ Tài chính thẩm định với mức hỗ trợ theo chế độ quy định.

4. Kinh phí bổ sung thực hiện nhiệm vụ đặc thù theo quy định tại Điều 30 dưới đây.

Điều 6. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế và dân số - kế hoạch hoá gia đình

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên tuyển điều trị (các cơ sở khám chữa bệnh công lập)

Trên cơ sở định hướng phát triển ngành y tế, các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp trích theo lương, chi công việc phục vụ khám chữa bệnh và hoạt động thường xuyên của các cơ sở khám chữa bệnh sẽ từng bước cơ cấu đủ vào giá dịch vụ khám chữa bệnh theo lộ trình, tiến tới việc các cơ sở khám chữa bệnh công lập tự đảm bảo kinh phí hoạt động.

Vì vậy, đối với các cơ sở khám chữa bệnh công lập, NSNN chỉ hỗ trợ các khoản chi chưa được cơ cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh hoặc đã cơ cấu nhưng nguồn thu thực tế chưa đảm bảo hoạt động. Trên cơ sở đó, kinh phí hỗ trợ được phân bổ như sau:

a) Kinh phí hỗ trợ chi công việc: NSNN hỗ trợ phần chi công việc phục vụ khám chữa bệnh và hoạt động thường xuyên chưa được cơ cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh hoặc đã cơ cấu nhưng nguồn thu thực tế chưa đảm bảo hoạt động. Kinh phí hỗ trợ phân bổ theo chỉ tiêu giường bệnh được cấp có thẩm quyền giao.

Đơn vị tính: Triệu đồng/giường bệnh/năm

Đơn vị	Định mức
- Tuyến tỉnh:	
+ Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi	15,0
+ Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Phục hồi chức năng	12,7
+ Bệnh viện Mắt, Trung tâm Da liễu	10,0
- Tuyến huyện:	
+ Bệnh viện Đa khoa thành phố Tuy Hòa	15,0
+ Bệnh viện Đa khoa huyện: Đồng Xuân, Sơn Hòa, Sông Hinh	14,0
+ Bệnh viện Đa khoa thị xã Sông Cầu và các huyện còn lại	12,0

b) Kinh phí hỗ trợ quỹ lương

NSNN hỗ trợ phần tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương chưa được cơ cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh hoặc đã cơ cấu nhưng phần kinh phí quỹ lương hình thành từ nguồn thu giá dịch vụ khám chữa bệnh chưa đảm bảo nhu cầu quỹ lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

NSNN sẽ phân bổ dự toán đầu năm tương ứng với 30% quỹ lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; số kinh phí còn thiếu sẽ được NSNN bổ sung trong điều hành ngân sách. Quá trình hoạt động, các cơ sở khám chữa bệnh (đơn vị sử dụng ngân sách) xác định phần kinh phí quỹ lương hình thành từ nguồn thu giá dịch vụ khám chữa bệnh để sử dụng chi trả tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương theo quy định, phần quỹ lương còn thiếu được sử dụng từ nguồn kinh phí NSNN cấp để thực hiện. Đến cuối năm, nếu kinh phí NSNN cấp còn thừa sẽ thu hồi về NSNN.

Quỹ lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng được xác định bao gồm:

- Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương của số viên chức có mặt trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ

quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận: tính theo hệ số thực tế tại thời điểm lập dự toán hàng năm;

- Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa tuyển: tiền lương tính theo hệ số lương khởi điểm ngạch chuyên viên 2,34 cộng các khoản phụ cấp (nếu có) và các khoản đóng góp theo tỷ lệ quy định.

c) Trong thời gian đến, NSNN có thể điều chỉnh giảm mức hỗ trợ chi công việc phục vụ khám chữa bệnh và hoạt động thường xuyên của các cơ sở khám chữa bệnh công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ khám chữa bệnh.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể phương thức thực hiện đối với các nội dung tại Điểm a và b nêu trên.

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên tuyển dự phòng, trung tâm, trạm chuyên khoa và dân số - kế hoạch hoá gia đình

a) Kinh phí chi hoạt động thường xuyên của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận của các đơn vị sự nghiệp được phân bổ theo quy định tại Khoản 2, Điều 29 dưới đây.

b) Kinh phí bổ sung

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật đối với nhân viên y tế (nếu có) theo quy định;

- Kinh phí bổ sung thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng; khám chữa bệnh cho các trung tâm, trạm chuyên khoa và các nhiệm vụ khác được phân bổ từ nguồn kinh phí bổ sung quy định tại Khoản 5 Điều này.

3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên tuyển trạm y tế cấp xã

a) Kinh phí hỗ trợ chi công việc phục vụ khám chữa bệnh và hoạt động thường xuyên của đơn vị: NSNN hỗ trợ phần chi công việc phục vụ khám chữa bệnh và hoạt động thường xuyên chưa được cơ cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh hoặc đã cơ cấu nhưng nguồn thu thực tế chưa đảm bảo hoạt động. Kinh phí hỗ trợ phân bổ theo chỉ tiêu viên chức sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao.

Đơn vị tính: Triệu đồng/người/năm

Khu vực	Định mức
- Xã vùng khó khăn	19,5
- Phường, thị trấn	19,0
- Xã còn lại	18,5

b) Kinh phí hỗ trợ quỹ lương

NSNN hỗ trợ phần tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương chưa được cơ cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh hoặc đã cơ cấu nhưng phần kinh phí quỹ lương hình thành từ nguồn thu giá dịch vụ khám chữa bệnh chưa đảm bảo nhu cầu quỹ lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao.

Trước mắt, NSNN bố trí dự toán đủ quỹ lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao cho các đơn vị. Trong quá trình hoạt động, các đơn vị xác định phần kinh phí quỹ lương hình thành từ nguồn thu giá dịch vụ khám chữa bệnh để cùng với nguồn kinh phí NSNN cấp thực hiện chi trả tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương theo quy định. Đến cuối năm, phần kinh phí NSNN cấp hỗ trợ quỹ lương còn thừa sẽ thu hồi về NSNN.

c) Kinh phí bổ sung

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động của trạm y tế cấp xã với mức 20 triệu đồng/trạm/năm;

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật đối với nhân viên y tế (nếu có) theo quy định;

- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp thường trực ngành y tế chưa được cơ cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh.

4. Phụ cấp nhân viên Y tế thôn, buôn, khu phố theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ với mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng được phân bổ và thực hiện chi trả theo mức sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng/người/năm

Nội dung	Định mức
- Nhân viên y tế thôn, buôn thuộc các xã vùng khó khăn (mức 0,5)	7,260
- Nhân viên y tế thôn, khu phố thuộc các phường, thị trấn (mức 0,2)	2,904
- Nhân viên y tế thôn, buôn thuộc các xã còn lại (mức 0,3)	4,356

5. Kinh phí bổ sung thực hiện một số nhiệm vụ của ngành y tế

a) Chi y tế dự phòng thực hiện được phân bổ với mức 6.000 đồng/người dân/năm để thực hiện nhiệm vụ phòng bệnh xuyên suốt toàn tỉnh.

b) Kinh phí thực hiện khám chữa bệnh của các trung tâm, trạm chuyên khoa và kinh phí hỗ trợ chung để điều hoà thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh giữa các đơn vị ngành Y tế được phân bổ với mức 4.000 đồng/người dân/năm.

c) Căn cứ nhiệm vụ và điều kiện thực tế của từng đơn vị, Giám đốc Sở Y tế (đơn vị dự toán cấp I) quyết định phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ tại Điểm a và Điểm b Khoản này cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

6. Kinh phí bảo hiểm y tế các chính sách do ngân sách tỉnh trực tiếp thanh toán chuyển vào Quỹ bảo hiểm y tế

a) Kinh phí bảo hiểm y tế đối với trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số vùng khó khăn, người dân sinh sống vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, học sinh sinh viên được phân bổ theo mức kinh phí đã được Bộ Tài chính bố trí trong dự toán cho ngân sách địa phương.

b) Kinh phí hỗ trợ 20% tiền mua thẻ bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo do ngân sách tỉnh đảm bảo được phân bổ theo số lượng đối tượng thực tế và mức hỗ trợ theo quy định.

c) Kinh phí nêu tại Điểm a và Điểm b Khoản này được bố trí và giao dự toán cho cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh, chi tiết theo từng chính sách. Hàng quý, căn cứ số liệu cấp phát thẻ bảo hiểm y tế, cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Sở Tài chính. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Tài chính thẩm định và lập thủ tục chuyển kinh phí ngân sách nhà nước thanh toán vào Quỹ bảo hiểm y tế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi và thông báo cho cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh biết. Kết thúc năm ngân sách, cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp quyết toán kinh phí thanh toán thẻ bảo hiểm y tế thực hiện trong năm gửi Sở Tài chính để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

7. Kinh phí bảo hiểm y tế đối với cựu chiến binh, thanh niên xung phong, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Campuchia được phân bổ theo mức kinh phí đã được Bộ Tài chính bố trí trong dự toán cho ngân sách địa phương và giao cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội thực hiện thanh toán khoản kinh phí này theo đúng quy định.

8. Kinh phí bổ sung thực hiện các nhiệm vụ đặc thù khác được phân bổ theo quy định tại Điều 30 dưới đây.

Điều 7. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ đảm bảo không thấp hơn mức Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính giao cho tỉnh

a) Kinh phí chi hoạt động thường xuyên của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận của các đơn vị sự nghiệp (nếu có) được phân bổ theo quy định tại Khoản 2, Điều 29 dưới đây.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ được cấp có thẩm quyền giao.

2. Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương có quy định khác thì thực hiện theo quy định tại các văn bản đó

Điều 8. Định mức phân bổ dự toán đối với các lĩnh vực chi quốc phòng, an ninh, đảm bảo xã hội, sự nghiệp kinh tế và các sự nghiệp: môi trường, văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình, chi thường xuyên khác ngân sách

1. Dự toán chi đối với các lĩnh vực chi quốc phòng, an ninh, đảm bảo xã hội, sự nghiệp kinh tế và các sự nghiệp: môi trường, văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình, chi thường xuyên khác ngân sách được phân bổ

a) Kinh phí chi hoạt động thường xuyên của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận của các đơn vị sự nghiệp (nếu có) được phân bổ theo quy định tại Khoản 2, Điều 29 dưới đây.

b) Kinh phí bổ sung thực hiện nhiệm vụ đặc thù theo quy định tại Điều 30 dưới đây.

2. Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương có quy định khác thì thực hiện theo quy định tại các văn bản đó.

Chương III

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

Mục I

**PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CĂN CỨ CỦA ĐỊNH
MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CÁC
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

Điều 9. Tiêu chí dân số

1. Dân số của từng huyện, thị xã, thành phố được xác định căn cứ theo số liệu do Cục Thống kê tỉnh cung cấp

2. Phân 4 vùng dân số như sau

a) Dân số đô thị: gồm dân số các phường và thị trấn (đối với dân số các thị trấn thuộc vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu và vùng cao-hải đảo được tính vào dân số thuộc các vùng tương ứng không tính dân số vùng đô thị).

b) Dân số vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu: gồm dân số ở các xã núi thấp, đồng bào dân tộc ở đồng bằng theo các quy định của Ủy ban Dân tộc; dân số các xã vùng sâu (xã vùng sâu là các xã đồng bằng có các điều kiện khó khăn về địa lý tự nhiên, khắc nghiệt về thời tiết, xa xôi hẻo lánh, xa các trung tâm văn hoá chính trị xã hội đi lại khó khăn,... được xác định theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của

liên Bộ Nội vụ-Lao động, thương binh và Xã hội-Tài chính-Uỷ ban Dân tộc mà cán bộ, công chức công tác tại địa bàn được hưởng phụ cấp khu vực).

c) Dân số vùng cao - hải đảo gồm dân số ở các xã núi cao, xã đảo (xã đảo và xã núi cao được xác định theo quyết định công nhận của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc).

d) Dân số vùng đồng bằng gồm dân số các xã thuộc khu vực còn lại.

Điều 10. Tiêu chí người thuộc hộ gia đình nghèo

Số người nghèo được xác định theo chuẩn nghèo theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Điều 11. Tiêu chí xã thuộc vùng khó khăn

Danh mục xã thuộc vùng khó khăn được xác định theo quyết định công nhận của Thủ tướng Chính phủ.

Mục II**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN****Điều 12. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính**

1. Định mức phân bổ chi công việc đảm bảo hoạt động thường xuyên

a) Định mức phân bổ theo số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao

Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm

Chỉ tiêu	Định mức
- Khối các cơ quan Đảng, cơ quan quản lý nhà nước và 5 tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện	
+ Huyện miền núi (Đồng Xuân, Sơn Hoà, Sông Hinh)	27,0
+ Thành phố, thị xã	26,5
+ Huyện còn lại	26,0
- Khối các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp cấp huyện (được giao biên chế sự nghiệp khác)	
+ Huyện miền núi (Đồng Xuân, Sơn Hoà, Sông Hinh)	22,0
+ Thành phố, thị xã và các huyện còn lại	21,5
- Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã):	
+ Xã vùng khó khăn	17,5
+ Phường, thị trấn	17,0
+ Xã còn lại	16,5

b) Định mức phân bổ kinh phí theo số lượng nhân viên hợp đồng 68

Nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận được phân bổ theo mức 10 triệu đồng/người/năm.

c) Định mức phân bổ kinh phí theo số lượng người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác do cấp có thẩm quyền quy định

Đơn vị tính: Triệu đồng/người/năm

Chỉ tiêu	Định mức
- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn:	
+ Thuộc xã vùng khó khăn	6,0
+ Thuộc phường, thị trấn và các xã còn lại	5,5
- Các chức danh còn lại ở cấp thôn (Công an viên, cán bộ Mặt trận và 4 đoàn thể thôn, buôn, khu phố)	
+ Thuộc xã vùng khó khăn	2
+ Thuộc phường, thị trấn và các xã còn lại	1,8

d) Kinh phí phân bổ theo định mức tại các Điểm a, b và c Khoản này bao gồm các nội dung chi quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 3 nêu trên; riêng trang phục ngành của Thanh tra huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là huyện) được bổ sung hỗ trợ 90% kinh phí theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Quỹ lương của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận tính theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng được xác định bao gồm:

a) Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương của số biên chế có mặt và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận: tính theo hệ số thực tế tại thời điểm lập dự toán hàng năm;

b) Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương của số biên chế chưa tuyển: tiền lương tính theo hệ số lương khởi điểm ngạch chuyên viên 2,34 cộng các khoản phụ cấp (nếu có) và các khoản đóng góp theo tỷ lệ quy định;

c) Sinh hoạt phí đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân thực tế với mức được hưởng quy định;

d) Phụ cấp trách nhiệm cấp uỷ các cấp theo số lượng người được hưởng thực tế với mức phụ cấp quy định;

đ) Sinh hoạt phí, phụ cấp và các khoản đóng góp đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác tính theo số lượng và mức được hưởng do cơ quan có thẩm quyền quy định.

3. Thanh tra huyện được bổ sung hỗ trợ 90% kinh phí trang phục ngành theo định mức trang phục quy định và phân kỳ trang bị từng năm từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ chung cho ngân sách huyện quy định tại Điểm đ, Khoản 4 Điều này.

4. Kinh phí phân bổ theo tiêu chí bổ sung bao gồm:

a) Kinh phí thực hiện chính sách đãi ngộ đối với bác sỹ thuộc Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố theo Nghị quyết số 110/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

b) Kinh phí hoạt động đặc thù của Hội đồng nhân dân cấp huyện và Hội đồng nhân dân cấp xã theo Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp huyện:

+ Thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu: 350 triệu đồng/huyện/năm;

+ Các huyện còn lại: 300 triệu đồng/huyện/năm

+ Các huyện, thị xã, thành phố bố trí kinh phí ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

- Đối với Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã): 90 triệu đồng/xã/năm.

c) Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã: 4 triệu đồng/xã/năm.

d) Cán bộ, công chức cấp xã được tuyển dụng và bố trí công tác theo Đề án 500 của Thủ tướng Chính phủ và chính sách thu hút tri thức trẻ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (năm ngoài chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức cấp xã do cấp có thẩm quyền giao) được phân bổ kinh phí theo định mức như đối với cán bộ, công chức cấp xã nêu trên.

đ) Hỗ trợ chung cho ngân sách huyện để phân bổ thực hiện nhiệm vụ đặc thù của một số cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quản lý hành chính với mức 1.350 triệu đồng/huyện/năm.

Điều 13. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục

1. Định mức chi sự nghiệp giáo dục: được phân bổ theo cơ cấu tổng chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trích theo lương chiếm tỷ lệ 82%, chi công việc phục vụ giảng dạy và học tập chiếm 18% tổng chi sự nghiệp. Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017, từng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của từng địa phương.

Quỹ lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng được xác định như sau:

- Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương của số viên chức có mặt trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận: tính theo hệ số thực tế tại thời điểm lập dự toán hàng năm;

- Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa tuyển: tiền lương tính theo hệ số lương khởi điểm ngạch chuyên viên 2,34 cộng các khoản phụ cấp (nếu có) và các khoản đóng góp theo tỷ lệ quy định.

Kinh phí phân bổ theo định mức nêu trên đã tính đủ cho các cấp học thuộc ngân sách huyện đảm bảo, bao gồm nội dung chi quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h thuộc Khoản 1, Điều 4 nêu trên do ngành Giáo dục huyện quản lý và thực hiện.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện được sử dụng một phần kinh phí trong tổng số chi công việc thuộc sự nghiệp giáo dục khối huyện quản lý để tổ chức các hoạt động chung của ngành. Tỷ lệ kinh phí được sử dụng, nguyên tắc điều hòa, phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc thực hiện như quy định tại Khoản 2, Điều 4 nêu trên.

Căn cứ điều kiện cụ thể của từng đơn vị, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện quyết định phân bổ và giao dự toán theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

3. Kinh phí phân bổ theo tiêu chí bổ sung được xác định trên cơ sở số lượng đối tượng Bộ Tài chính đã thẩm định với mức hỗ trợ theo chế độ quy định

a) Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3-5 tuổi;

b) Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật;

c) Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú.

d) Hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện các chế độ chi thường, chi trang cấp hiện vật, tiền tàu xe, hỗ trợ học phẩm, sách giáo khoa, chi ngày tết nguyên đán, tết dân tộc, chi hoạt động văn thể đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và trường chuyên biệt (nếu có);

đ) Hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập cho học sinh trường chuyên theo quy định (nếu có).

Điều 14. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1 - 18 tuổi)

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Đô thị	14.830
Đồng bằng	22.240
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	37.060
Vùng cao - hải đảo	83.390

2. Kinh phí phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Đối với các huyện đã tiếp nhận Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tổng hợp trong năm 2015 bàn giao từ cấp tỉnh về cấp huyện quản lý sẽ được hỗ trợ kinh phí để đảm bảo hoạt động thường xuyên. Mức hỗ trợ bằng 1,1 lần tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định của số viên chức đã điều chuyển.

3. Kinh phí phân bổ theo định mức tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Kinh phí phân bổ định mức theo chỉ tiêu viên chức sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cho các đơn vị sự nghiệp cấp huyện quản lý quy định tại Khoản 2, Điều 29 dưới đây, kể cả kinh phí hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo - dạy nghề do cấp huyện quản lý.

Điều 15. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế

Chi sự nghiệp y tế của ngân sách huyện chỉ thực hiện đối với kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Kinh phí phân bổ được xác định trên cơ sở số lượng đối tượng Bộ Tài chính đã thẩm định với mệnh giá thẻ bảo hiểm y tế theo quy định.

Điều 16. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp văn hoá thông tin

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Đô thị	10.030
Đồng bằng	14.790
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	19.550
Vùng cao - hải đảo	36.890

2. Định mức bổ sung kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố có đội thông tin lưu động theo mức 250 triệu đồng/huyện/năm.

3. Kinh phí phân bổ theo định mức tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Chi vận động nhân dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư với mức 04 triệu đồng/khu dân cư và 06 triệu đồng/xã.

b) Kinh phí phân bổ định mức theo chỉ tiêu viên chức sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cho các đơn vị sự nghiệp cấp huyện quản lý như quy định tại Khoản 2, Điều 29 dưới đây.

c) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về văn hoá thông tin do cấp huyện và cấp xã thực hiện.

Điều 17. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp phát thanh truyền hình

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Đô thị	9.010
Đồng bằng	11.730
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	18.190
Vùng cao - hải đảo	31.280

2. Định mức bổ sung kinh phí cho các huyện có trạm thu phát lại phát thanh truyền hình với mức 330 triệu đồng/huyện/năm để có thêm kinh phí thực hiện phủ sóng phát thanh, truyền hình đối với vùng khó khăn.

3. Kinh phí phân bổ theo định mức tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Kinh phí phân bổ định mức theo chỉ tiêu viên chức sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cho các đơn vị sự nghiệp cấp huyện quản lý như quy định tại Khoản 2, Điều 29 dưới đây.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về phát thanh truyền hình do cấp huyện và cấp xã thực hiện.

Điều 18. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Đô thị	8.760
Đồng bằng	6.290
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	9.454
Vùng cao - hải đảo	24.310

2. Kinh phí phân bổ theo định mức tại Khoản 1 Điều này đã bao gồm:

a) Kinh phí phân bổ định mức theo chỉ tiêu viên chức sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cho các đơn vị sự nghiệp cấp huyện quản lý như quy định tại Khoản 2, Điều 29 dưới đây.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về thể dục thể thao do cấp huyện và cấp xã thực hiện.

Điều 19. Định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo xã hội

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Đô thị	14.450
Đồng bằng	17.850
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	25.500
Vùng cao - hải đảo	59.500

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định, căn cứ vào số lượng thực tế của từng huyện và mức trợ cấp tính theo lương cơ sở 1.210.000 đồng.

b) Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ được xác định trên cơ sở số lượng đối tượng Bộ Tài chính đã thẩm định với mức trợ cấp theo quy định.

c) Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ được xác định trên cơ sở số lượng đối tượng Bộ Tài chính đã thẩm định với mức hỗ trợ theo quy định.

d) Kinh phí hỗ trợ đối với các xã, phường, thị trấn được cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập đội hoạt động tình nguyện được hỗ trợ kinh phí để chi trả sinh hoạt phí và bảo hiểm y tế đội tình nguyện xã theo quy định với mức:

- Phường, thị trấn: 43,1 triệu đồng/đội/năm;

- Xã: 36,6 triệu đồng/đội/năm.

đ) Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại thôn, buôn, khu phố với mức phụ cấp theo quy định và tiền lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng là 2,178 triệu đồng/thôn, buôn, khu phố/năm.

3. Kinh phí thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách (gia đình thương binh, bệnh binh, liệt sỹ, người có công...) vào các ngày lễ, tết do ngân sách cấp

tinh đảm bảo chi; ngân sách các huyện, thị xã, thành phố có thể bố trí kinh phí để thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách (gia đình thương binh, bệnh binh, liệt sỹ, người có công...) vào ngày lễ, tết tùy theo khả năng ngân sách của cấp mình.

4. Kinh phí phân bổ theo định mức tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Kinh phí phân bổ định mức theo chỉ tiêu viên chức sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cho các đơn vị sự nghiệp cấp huyện quản lý (nếu có) như quy định tại Khoản 2, Điều 29 dưới đây.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo xã hội do cấp huyện và cấp xã thực hiện.

Điều 20. Định mức phân bổ dự toán chi quốc phòng

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Đô thị	9.860
Đồng bằng	12.580
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	19.550
Vùng cao - hải đảo	38.760

2. Định mức phân bổ kinh phí bổ sung hỗ trợ đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng địa phương

Hỗ trợ kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với thôn đội trưởng và một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ; Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trực cho dân quân thường trực:

- Thành phố Tuy Hòa, huyện Tuy An: 2.500 triệu đồng/huyện/năm;
- Thị xã Sông Cầu và các huyện: Tây Hòa, Đồng Xuân, Sơn Hòa, Sông Hinh: 2.000 triệu đồng/huyện/năm;
- Các huyện còn lại: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.

3. Kinh phí phân bổ theo định mức tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đã bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi thường xuyên thuộc lĩnh vực quốc phòng địa phương do cấp huyện và cấp xã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ quy định về quản lý sử dụng ngân sách và tài sản của nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các văn bản khác có liên quan.

Điều 21. Định mức phân bổ dự toán chi an ninh

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Đô thị	11.900
Đồng bằng	6.800
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	10.200
Vùng cao - hải đảo	20.400

2. Định mức phân bổ kinh phí bổ sung hỗ trợ đảm bảo nhiệm vụ an ninh của địa phương

Hỗ trợ kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trực cho công an thường trực và phụ cấp lực lượng bảo vệ dân phố theo số lượng đối tượng và mức phụ cấp quy định với tiền lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

3. Kinh phí phân bổ theo định mức tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đã bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi thường xuyên thuộc lĩnh vực an ninh địa phương do cấp huyện và cấp xã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ quy định về quản lý sử dụng ngân sách và tài sản của nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các văn bản khác có liên quan.

Điều 22. Hỗ trợ chung kinh phí đảm bảo quốc phòng – an ninh đối với các huyện miền núi

Ngoài kinh phí chi quốc phòng - an ninh phân bổ theo định mức tại Điều 20 và Điều 21 nêu trên, các huyện miền núi (Đông Xuân, Sơn Hòa, Sông Hinh) được hỗ trợ thêm kinh phí 450 triệu đồng/huyện/năm để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng và an ninh miền núi.

Điều 23. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp kinh tế

1. Chi sự nghiệp kinh tế được tính bằng 10% tổng chi thường xuyên các lĩnh vực chi được phân bổ theo định mức từ Điều 12 đến Điều 22 nêu trên trừ các khoản kinh phí phân bổ theo tiêu chí bổ sung và hỗ trợ.

2. Bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi đối với đô thị:

- a) Đô thị loại I: 76.500 triệu đồng/năm;
- b) Đô thị loại II: 46.500 triệu đồng/năm;
- c) Đô thị loại III: 12.750 triệu đồng/năm;

d) Đô thị loại IV: 8.500 triệu đồng/năm;

đ) Đô thị loại V: 5.000 triệu đồng/đô thị/năm.

3. Kinh phí phân bổ tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Kinh phí phân bổ định mức theo chỉ tiêu viên chức sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cho các đơn vị sự nghiệp cấp huyện quản lý như quy định tại Khoản 2, Điều 29 dưới đây.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế do cấp huyện và cấp xã thực hiện.

Điều 24. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp môi trường

1. Chi sự nghiệp môi trường được tính bằng mức 0,8% tổng chi thường xuyên các lĩnh vực chi được phân bổ theo định mức từ Điều 12 đến Điều 23 nêu trên trừ các khoản kinh phí phân bổ theo tiêu chí bổ sung và hỗ trợ.

2. Kinh phí phân bổ tại Khoản 1 Điều này đã bao gồm:

a) Kinh phí phân bổ định mức theo chỉ tiêu viên chức sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cho các đơn vị sự nghiệp cấp huyện quản lý (nếu có) như quy định tại Khoản 2, Điều 29 dưới đây.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường do cấp huyện và cấp xã thực hiện.

Điều 25. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên khác ngân sách

1. Chi khác ngân sách được tính bằng 0,5% tổng chi thường xuyên các lĩnh vực chi được phân bổ theo định mức từ Điều 12 đến Điều 21 nêu trên trừ các khoản kinh phí phân bổ theo tiêu chí bổ sung và hỗ trợ.

2. Kinh phí phân bổ tại Khoản 1 Điều này đã bao gồm chi thường xuyên khác ngân sách của cấp huyện và cấp xã.

Điều 26. Định mức phân bổ dự phòng chi ngân sách

1. Căn cứ nhiệm vụ dự toán trung ương giao và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, dự phòng ngân sách các huyện, thị xã, thành phố được phân bổ theo tỷ lệ thống nhất tương ứng với mức dự toán trung ương giao.

2. Kinh phí phân bổ tại Khoản 1 Điều này đã bao gồm dự phòng chi ngân sách của cấp huyện và cấp xã.

Mục III NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Điều 27. Tổ chức thực hiện

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các huyện, thị xã, thành phố nêu trên chỉ để xác định tổng chi thường xuyên theo từng lĩnh vực để

HĐND tỉnh quyết định. Việc phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện phải đảm bảo: Đối với lĩnh vực sự nghiệp giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 13 nêu trên; Đối với các khoản kinh phí được phân bổ liên quan trực tiếp đến cấp xã và cấp thôn (kinh phí quản lý hành chính của cấp xã, thôn; kinh phí đội hoạt động tình nguyện cấp xã;...) phải đảm bảo bố trí đầy đủ theo định mức cho ngân sách cấp xã thực hiện; Đối với các lĩnh vực còn lại, căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, các huyện, thị xã, thành phố xác định nhu cầu để phân bổ kinh phí thực hiện giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã phù hợp với nhiệm vụ của từng cấp; trong đó có thể sử dụng một phần kinh phí chi công việc đã phân bổ từng lĩnh vực theo định mức nêu trên để điều hoà bố trí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù trong cùng lĩnh vực nhưng đảm bảo mức phân bổ chi công việc đến các cơ quan, đơn vị cấp huyện tối thiểu bằng 90% định mức phân bổ theo biên chế quản lý hành chính và theo chỉ tiêu viên chức sự nghiệp tương ứng nêu trên. Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trong phương án phân bổ ngân sách cấp huyện hàng năm.

Điều 28. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách

1. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật NSNN.

2. Ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ theo quy định đối với các chính sách mới, chính sách tăng mức chi so với định mức đã tính trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2017 (năm đầu của thời kỳ ổn định) từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu hoặc từ nguồn ngân sách tỉnh đảm bảo tùy thuộc từng chính sách.

3. Các chế độ chính sách đã tính năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách và không thay đổi kinh phí (do tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách) các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách cấp mình để thực hiện; trường hợp có thừa thiếu kinh phí so với mức đã bố trí năm đầu thời kỳ ổn định, các huyện, thị xã, thành phố có báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán ngân sách năm sau để các huyện, thị xã, thành phố có nguồn triển khai thực hiện.

4. Đối với các chính sách (kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội,...), căn cứ đối tượng thực tế, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho tỉnh theo chế độ quy định.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách khi có đơn vị hành chính mới được thành lập theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu để hỗ trợ các đơn vị hành chính mới được thành lập (kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác di chuyển, thuê chỗ làm việc, sửa chữa, mua sắm bổ sung phương tiện làm việc; chi trả tiền lương, phụ cấp lương cho số biên chế mới tăng thêm,...). Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của trung ương.

6. Trong thời kỳ ổn định ngân sách, các huyện, thị xã, thành phố được sử dụng nguồn tăng thu hàng năm mà ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp để tăng chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đối với số tăng thu so với dự toán, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN.

Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách huyện tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thu về ngân sách cấp tỉnh số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách huyện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 40 của Luật NSNN để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương IV

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHUNG TRONG PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP TỈNH QUẢN LÝ VÀ NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

Điều 29. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

1. NSNN hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định theo pháp luật về giá;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí): Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí. Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ của từng lĩnh vực và khả năng tự đảm bảo chi hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp): Thực hiện theo quy định hiện hành, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong thời gian 3 năm và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định. Trên cơ sở quỹ tiền

lương, phụ cấp, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù và chi hoạt động thường xuyên được vận dụng tối đa bằng định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế, các đơn vị xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên;

d) Cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm công khai, minh bạch kinh phí NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2. Trong thời gian các nghị định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực chưa được ban hành hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa quy định về giá, mức phí dịch vụ sự nghiệp công, các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định hiện hành. Định mức phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên làm cơ sở giao dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và kinh phí hỗ trợ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc các lĩnh vực sự nghiệp của ngân sách địa phương (trừ các đơn vị sự nghiệp giáo dục và các đơn vị tuyển điều trị thuộc sự nghiệp y tế đã có định mức phân bổ riêng) áp dụng như sau:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên

- Định mức phân bổ chi công việc đảm bảo hoạt động thường xuyên:

+ Phân bổ theo số lượng chỉ tiêu viên chức được cấp có thẩm quyền giao: 22 triệu đồng/người/năm.

+ Phân bổ theo số lượng nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận: 10 triệu đồng/người/năm.

Định mức phân bổ nêu trên bao gồm:

+ Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm tiền thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, văn phòng phẩm, điện nước, xăng xe,...);

+ Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (đã bao gồm chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật;...);

+ Các khoản kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản;

+ Chi trang phục ngành (nếu có) của cơ quan, đơn vị theo chế độ quy định; riêng trang phục ngành của một số đơn vị đặc thù như: Chi cục Thú y, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được bổ sung hỗ trợ 90% kinh phí thực hiện.

- Quỹ lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận tính theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng được xác định bao gồm:

+ Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương của số viên chức có mặt trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và số nhân viên hợp đồng 68 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận: tính theo hệ số thực tế tại thời điểm lập dự toán hàng năm;

+ Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương của số viên chức trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa tuyển: tiền lương tính theo hệ số lương khởi điểm ngạch chuyên viên 2,34 cộng các khoản phụ cấp (nếu có) và các khoản đóng góp theo tỷ lệ quy định.

- Các lực lượng nhân viên Thú y và Trợ giúp viên Pháp lý được hỗ trợ 90% kinh phí trang phục ngành theo định mức trang phục quy định và phân kỳ trang bị từng năm.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên

NSNN phân bổ dự toán để hỗ trợ phần kinh phí chi thường xuyên chênh lệch tính theo định mức phân bổ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này trừ đi phần kinh phí chi thường xuyên đơn vị tự đảm bảo.

c) NSNN ổn định dự toán kinh phí chi hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và kinh phí hỗ trợ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên trong thời gian 3 năm và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định.

Điều 30. Kinh phí bổ sung thực hiện nhiệm vụ đặc thù các lĩnh vực

1. Đối với các cơ quan, đơn vị khối tỉnh, kinh phí bổ sung thực hiện nhiệm vụ đặc thù thuộc các lĩnh vực được phân bổ theo nhiệm vụ cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị trên cơ sở phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

2. Ngoài định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các lĩnh vực từ Điều 12 đến Điều 26 nêu trên, tùy theo khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của từng địa phương, ngân sách cấp tỉnh có thể hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố thực hiện một số nhiệm vụ cần thiết nhưng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách huyện.

3. Mức kinh phí bổ sung, hỗ trợ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh hàng năm. Trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách, các khoản chi ngân sách phát sinh được phân bổ thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục đối với từng khoản chi theo quy định./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt